

Số: **492/2022/QĐST-HNGĐ**

Tân Phú, ngày 02 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 541/2022/HNST ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1978
- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: 578/48 L1, phường T3, quận T4, thành phố H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị T2 cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị T2 được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị T2 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị T2 có hai con chung tên Nguyễn Mạnh B1 H2 – sinh ngày 02/12/2005 và Nguyễn Mạnh Gia B1 – sinh ngày 10/9/2013. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận bà Thuỷ người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và ông T1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/1 trẻ (tổng cộng 6.000.000 đồng/tháng/2 con). Bắt đầu thi hành kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia

đình. Thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con của ông T1 và bà T2 phù hợp với quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông T1, bà Thuỷ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông T1, bà Thuỷ xác nhận không có.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Thuỷ nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông T1, bà Thuỷ đã nộp theo biên lai số AA/2021/0035565 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Thuỷ cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 04 ngày 15/4/2003 do Ủy ban nhân dân xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cấp cho ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị T2 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Mạnh B1 H2 – sinh ngày 02/12/2005 và Nguyễn Mạnh Gia B1 – sinh ngày 10/9/2013. Ông Nguyễn Mạnh T1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/1 trẻ (tổng cộng 6.000.000 đồng/tháng/2 trẻ). Bắt đầu thi hành kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Nguyễn Mạnh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

-Về tài sản chung : Ông T1, bà T2 không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

-Về nợ chung: Ông T1, bà T2 xác nhận không có.

2. Về lệ phí Toà án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị T2 nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông T1 , bà T2 đã nộp theo biên lai số AA/2021/0035565 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh .

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thành).

THẨM PHÁN

Trần Hương Giang